

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CAN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 185/QĐ-UBND

Can Lộc, ngày 08 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2025
của xã Can Lộc đã được HĐND xã phê chuẩn**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/9/2025 của HĐND xã Can Lộc khoá I “Về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025”;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán ngân sách năm 2025 của xã Can Lộc đã được HĐND xã phê chuẩn.

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND xã, Phòng Kinh tế tổ chức thực hiện Quyết định này./. N

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. HĐND xã;
- Đăng trang TT Điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Sơn

Phụ lục 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dự toán đã được HĐND xã phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 185a/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

TT	Tên khoản thu	Dự toán	Chia ra các cấp ngân sách được hưởng	
			NSTW, NST	NS xã
TỔNG THU NSNN (A+B)		479.531.349.299	113.383.200.000	366.148.149.299
	Thu đưa vào cân đối chi	366.148.149.299		366.148.149.299
A. Tổng thu NSNN trên địa bàn (I)		186.374.000.000	113.383.200.000	72.990.800.000
I	Thu nội địa	186.374.000.000	113.383.200.000	72.990.800.000
1	Thu quốc doanh	0	0	0
1.1	VAT- TNDN	0	0	0
2	Thu ngoài quốc doanh	14.786.000.000	9.993.800.000	4.792.200.000
2.1	Thuế VAT,TNDN	12.746.000.000	8.973.800.000	3.772.200.000
+	Doanh nghiệp, HTX	10.300.000.000	8.240.000.000	2.060.000.000
+	Các hộ KD cá thể	2.446.000.000	733.800.000	1.712.200.000
2.2	Thuế Tài nguyên	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+	Tài nguyên rừng, khoáng sản	0	0	0
+	Tài nguyên khác (đá, cát, sỏi, đất, nước...)	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
2.3	Thuế tiêu thu đặc biệt	40.000.000	20.000.000	20.000.000
+	Mật hàng: Rượu, bia, thuốc lá,...	0	0	0
+	Mật hàng khác	40.000.000	20.000.000	20.000.000
3	Thuế TNCN	3.240.000.000	3.240.000.000	
4	Trước bạ	11.160.000.000	10.056.000.000	1.104.000.000
+	Trước bạ nhà đất	1.380.000.000	276.000.000	1.104.000.000
+	Trước bạ phương tiện, tài sản khác	9.780.000.000	9.780.000.000	0
5	Phí và lệ phí	3.256.000.000	3.046.000.000	210.000.000
6	Thuế phi nông nghiệp	545.000.000	0	545.000.000
7	Tiền thuê đất	1.767.000.000	1.682.400.000	84.600.000
8	Tiền cấp quyền SD đất	145.500.000.000	80.025.000.000	65.475.000.000
-	Thu từ quỹ đất giao cho các nhà đầu tư	0	0	0
-	Thu từ quỹ đất còn lại	145.500.000.000	80.025.000.000	65.475.000.000
+	Phát sinh trên địa bàn các xã	145.500.000.000	80.025.000.000	65.475.000.000
+	Phát sinh trên địa bàn thị trấn		0	0
9	Cấp quyền khai thác KS	1.500.000.000	1.050.000.000	450.000.000
+	Đối với dự án do Tỉnh cấp phép	1.500.000.000	1.050.000.000	450.000.000
11	Thu khác NSX	4.600.000.000	4.290.000.000	310.000.000

TT	Tên khoản thu	Dự toán	Chia ra các cấp ngân sách được hưởng	
			NSTW, NST	NS xã
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000.000	0	20.000.000
B	Thu bổ sung từ NS cấp trên	293.157.349.299	0	293.157.349.299
	<i>Trong đó:</i>			
-	Bổ sung cân đối ngân sách	27.521.854.000		27.521.854.000
-	Nguồn tinh hỗ trợ nhiệm vụ sắp xếp CQĐP 02 cấp	500.000.000		500.000.000
-	Bổ sung các nhiệm vụ chuyển từ cấp huyện xuống cấp xã.	265.135.495.299		265.135.495.299
	<i>Trong đó:</i>			
+	Kinh phí đã thực hiện 06 tháng đầu năm của các đơn vị dự toán cấp huyện đã kết thúc hoạt động	126.237.090.222		126.237.090.222

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Phụ lục 02: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Dự toán đã được HĐND xã phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 185a/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NSDP:	366.148.149.299
A	Chi NSNN đưa vào cân đối chi	349.122.237.949
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	65.475.000.000
-	Chi đầu tư phát triển từ nguồn điều tiết tiền đất xã hưởng	65.475.000.000
II	CHI THUƯỜNG XUYÊN	282.944.399.949
1	Chi quản lý hành chính, nhà nước, đảng, đoàn thể	134.780.566.129
2	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo	130.719.315.500
-	Sự nghiệp giáo dục	128.560.315.500
-	Sự nghiệp đào tạo	2.159.000.000
3	Sự nghiệp y tế	1.594.000.000
4	Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	176.500.000
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	81.000.000
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	131.500.000
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	8.487.448.000
8	Chi quốc phòng	804.706.420
9	Chi an ninh	186.000.000
10	Sự nghiệp kinh tế	5.401.216.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện chính sách đất trồng lúa theo ND 112/2024/ND-CP của Chính phủ	2.684.221.000
11	Chi sự nghiệp môi trường	183.000.000
12	Chi khác Ngân sách	399.147.900
III	Dự phòng ngân sách	702.838.000
B	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	17.025.911.350

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Phụ lục 03: PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND xã quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 185a/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã)

DVT: đồng

TT	Nội dung khoản chi	Dự toán được giao	Ghi chú
1	Tổng nguồn	65.475.000.000	
-	Từ điều tiết tiền đất xã hưởng	65.475.000.000	
2	Tổng nhu cầu	65.475.000.000	
2.1	Trích 10% kinh phí để thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch, thực hiện đề án tích tụ ruộng đất và đầu tư, xây dựng xã NTM kiểu mẫu; NTM nâng cao; đô thị văn minh	6.547.500.000	
2.2	Thanh toán nợ các công trình	10.000.000.000	
2.3	Kinh phí đối ứng dự án thuộc "Dự án cấp nước sạch nông thôn tập trung từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2022-2025: Công trình nước sạch Vượng Lộc	900.000.000	
2.4	Thanh toán nợ các dự án đã và đang thực hiện	27.099.269.967	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Thiên Lộc	167.084.000	
-	Nâng cấp, mở rộng đường Xuân Diệu thị trấn Nghèn huyện Can Lộc	41.657.000	
-	Nhà hiệu bộ 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc (Điểm 1), tỉnh Hà Tĩnh	21.800.000	
-	Đường giao thông tổ dân phố 9, thị trấn Nghèn	11.522.000	
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Đèn Linh Nha thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc	249.859.000	
-	Sửa chữa, nâng cấp chợ Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	47.215.000	
-	Kênh mương nội đồng thị trấn Nghèn (Từ kênh C8 đến tổ dân phố Xuân Thủy)	373.242.876	
-	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất phân lô đất ở tại thị trấn Nghèn huyện Can Lộc	195.963.000	
-	Trường mầm non Vượng Lộc, huyện Can Lộc; Hạng mục: Nhà học 02 tầng 06 phòng và các hạng mục phụ trợ	337.549.091	

-	Cải tạo Trạm y tế, Trụ sở UBND xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	292.557.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ trường tiểu học xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	951.378.682	
-	Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	46.412.000	
-	Đường chính trục thôn Đồng Mỹ và thôn Cũ Lâm xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	72.101.000	
-	Đường GTND xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	211.892.000	
-	Hoàn chỉnh hệ thống HTKT trường mầm non xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	150.000.000	
-	Nhà vệ sinh trường tiểu học Vượng Lộc, huyện Can Lộc	122.407.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Hồng Lĩnh năm 2023 xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	120.693.000	
-	Cải tạo trường tiểu học Vượng Lộc huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh (Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng)	276.639.000	
-	Đường giao thông xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc theo chế độ HTXM năm 2023	254.901.318	
-	Nâng cấp, sửa chữa đường trục chính vào thôn Cũ Lâm xã Vượng Lộc	184.155.000	
-	Đường giao thông nội đồng thôn Đồng Huê xã Vượng Lộc	69.315.000	
-	Đường giao thông nội đồng thôn Hồng Vượng xã Vượng Lộc	96.536.000	
-	Đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước và kiên cố hóa kênh mương nội đồng xã Vượng Lộc hỗ trợ theo cơ chế xi măng năm 2024	200.000.000	
-	Đường giao thông nội đồng thôn Làng Mới xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	26.654.000	
-	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC dự án: Quy hoạch chi tiết KDC tại thôn Minh Vượng xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	975.872.000	
-	Đường giao thông và mương thoát nước thôn Hạ Vàng xã Vượng Lộc	1.050.065.000	
-	Đường GTND thôn Minh Vượng xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	591.338.000	
-	Đường giao thông nông thôn, thôn thái hoà xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	37.962.000	
-	Lập quy hoạch xen đầm đất ở thôn Hạ Vàng thôn Minh Vượng xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc	222.500.000	
-	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non Thiên Lộc	2.900.000.000	
-	Đài tưởng niệm Liệt sỹ thị trấn Nghèn	6.300.000.000	
-	Nhà đa năng trường TH Ngô Đức Kế (điểm 2)	2.000.000.000	
-	Đường giao thông trục chính nối TDP K130 và Hà Nam	2.300.000.000	

-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước phía Nam thị trấn Nghèn	3.700.000.000	
-	Nâng cấp đường giao thông thị trấn Nghèn	2.500.000.000	
2.5	Khởi công mới	20.928.230.033	
-	Nhà học 3 tầng trường MN Hoa Hồng	6.000.000.000	
-	Đường GT và mương thoát nước TDP Hồng Quang và TDP Vĩnh Phong	1.700.000.000	
-	Phục hồi mặt bằng thảm nhựa đường Hồng Thái	4.000.000.000	
-	Phục hồi mặt bằng thảm nhựa đường Làng Mới	3.200.000.000	
-	Đường GTNT thôn Hồng Hà thị trấn Nghèn	2.000.000.000	
-	Đường GT và mương thoát nước thôn Minh Vượng, xã Vượng Lộc	1.028.230.033	
-	Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè một số tuyến đường trên địa bàn xã Can Lộc	3.000.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ